

Bản án số: 212/2024/HC-PT

Ngày 08 - 4 - 2024

*V/v khởi kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu Hà;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 900/2023/TLPT-HC ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2023/HC-ST ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Phi H.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3025/2024/QĐ-PT ngày 18/3/2024 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1972, có mặt;

Trú tại: Tổ dân phố L, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1980, có mặt;

Trú tại: Số D đường N, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

*** Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) tỉnh Vĩnh Phúc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Tuấn A, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt P, chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố V, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của UBND thành phố V: Bà Lê Học H2, chức vụ: Trưởng Phòng Tư pháp thành phố Vĩnh yên, vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế H3, chức vụ: Chủ tịch UBND;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc H4, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường, vắng mặt;

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của UBND phường L: Bà Hoàng Thị N, chức vụ: Công chức xây dựng - Địa chính UBND phường L, vắng mặt.

3. Công ty Cổ phần X;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang H5, chức vụ: Giám đốc Công ty, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1942 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1943;

Trú tại: Khu H, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Phi H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/12/2022, ông Nguyễn Phi H nhận được Quyết định số 2382/QĐ-XPHC (sau đây gọi tắt là Quyết định 2382) xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V đề ngày 06/12/2022 đối với ông H. Theo Quyết định nêu trên, ông H có 02 hành vi vi phạm, cụ thể:

- Chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị với diện tích chiếm là 1.313,3m²; trên đất bao chiếm hiện đã xây dựng nhà kho để phục vụ mục đích thương mại dịch vụ với tổng diện tích là 620,4m², phần diện tích còn lại là 692,9m² đã đổ bê tông và các công trình phụ trợ khác để phục vụ mục đích làm thương mại dịch vụ.

- Chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực đô thị với diện tích chiếm là 172,2m²; trên phần đất bao chiếm hiện đã xây dựng nhà và các công trình với tổng diện tích là 172,2m².

Theo đó, hình thức xử phạt chính là phạt tiền, và biện pháp khắc phục hậu quả là buộc khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm, buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.

Không đồng ý với quyết định nêu trên ông Nguyễn Phi H đã có đơn khởi kiện, yêu cầu giải quyết hủy Quyết định số 2382/QĐ-XPHC ngày 06/12/2022.

Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày:

Gia đình ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V có nhận đầu thầu một diện tích đất quỹ II của Hợp tác xã nông nghiệp phường L tại địa chỉ: Đường N, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc theo hợp đồng kinh tế ngày 01 tháng 10 năm 1988. Ngày 07 tháng 9 năm 2010, ông H có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên. Khi nhận chuyển nhượng ông H có xây dựng một số công trình phục vụ mục đích kinh doanh và sau này có để cho Công ty T2 và một số doanh nghiệp bạn mượn để làm thương mại dịch vụ. Năm 2010 Công ty Cổ phần X (Sau đây gọi là Công ty X) được Ủy ban nhân dân tỉnh V ra quyết định phê duyệt điều chỉnh địa điểm xây dựng Tổ hợp dịch vụ thương mại, nhà hàng, khách sạn, trong đó phần diện tích của ông H nhận chuyển nhượng từ gia đình ông bà Tám V1 nằm trong phần quy hoạch được giao cho Công ty X. Quá trình công ty X thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng, ngày 22/01/2019 Ủy ban nhân dân phường L đã đứng ra lập biên bản làm việc giữa đại diện Công ty X và ông H. Tại buổi làm việc ông H nhất trí thực hiện chủ trương của nhà nước, thực hiện theo đúng quy hoạch. Đồng ý nhận hỗ trợ phần tài sản mà ông H đã tạo lập trên phần đất ông H nhận chuyển nhượng của hộ ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V theo thỏa thuận của doanh nghiệp. Nhưng sau khi thống nhất như vậy các bên chưa đi đến được giá thỏa thuận đền bù thì Công ty X đã liên tục khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên yêu cầu đòi lại mặt bằng đất đã bị thu hồi đối với diện tích đất ông H đang quản lý sử dụng. Hiện nay, vụ án trên vẫn đang được Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên giải quyết theo thẩm quyền.

UBND thành phố đang cho rằng ông H có hành vi chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị và chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng: Đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất nhưng ông H khẳng định không có hành vi như vậy bởi: Đối với diện tích đất ông H đang sử dụng tại đường N, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc là ông H nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V từ những năm 2009 và sử dụng ổn định đến nay, không có tranh chấp, đồng thời cũng chưa từng bị xử lý vi phạm hành chính.

Diện tích đất ông H đang sử dụng đã được Nhà nước phê duyệt địa điểm giao cho Công ty X từ năm 2010. Sau khi được phê duyệt địa điểm, Công ty X có trách nhiệm bồi thường giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, qua nhiều lần thương lượng và đàm phán, giữa Công ty X và ông H chưa đi đến thống nhất về việc thỏa thuận bồi thường, hỗ trợ đối với tài sản của ông H trên đất cho nên chưa thể tiến hành bàn giao giải phóng mặt bằng. Việc khó khăn trong giải phóng mặt bằng dẫn

đến việc Công ty X không được bàn giao đất tại thực địa là quan hệ dân sự giữa Công ty X, vợ chồng ông bà Vĩnh T1 và ông H là người đang trực tiếp sử dụng và có công trình, tài sản trên phần đất bị thu hồi. Hiện nay, Công ty X đang khởi kiện đến Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên yêu cầu đòi lại mặt bằng đất đã bị thu hồi đối với diện tích đất ông H đang quản lý, sử dụng. Vụ án trên đang được Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên giải quyết theo thẩm quyền. Vì vụ việc trên đã khởi kiện đến Toà án, nên cần chờ bản án/quyết định có hiệu lực của TAND thành phố Vĩnh Yên trước khi xác định có hành vi vi phạm. Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V xác định và ban hành quyết định xử phạt là trái quy định pháp luật.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh V trình bày:

1. Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, quá trình ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Công ty Cổ phần X được UBND tỉnh V phê duyệt địa điểm đầu tư xây dựng tổ hợp dịch vụ thương mại tại phường L và giao 2.227m² (đất nông nghiệp quỹ II do UBND phường L) tại các Quyết định số 3484/QĐ-UBND ngày 02/10/2009 và Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 20/4/2010 của UBND. Trong đó, có phần diện tích đất hiện do ông Nguyễn Phi H sử dụng, xây dựng một số công trình trái phép trên đất.

Về nguồn gốc đất: Là đất nông nghiệp do Hợp tác xã nông nghiệp Phường L giao khoán cho bà Nguyễn Thị V thời hạn từ năm 1988 đến năm 2018 để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp và đã được UBND phường L thanh lý hợp đồng ngày 20/10/2016. Ông Nguyễn Phi H không phải là người được giao thuê. Giữa gia đình bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn T chỉ có giấy viết tay chuyển nhượng đất đầu thuê ngày 07/9/2010 mà chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, xác nhận hoặc công chứng.

Sau khi có thông báo thu hồi đất, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố, UBND phường L, Trưởng khu hành chính 15 đã tiến hành kiểm kê các tài sản trên đất quy hoạch. Tại thời điểm kiểm kê vào ngày 17/4/2012 trên đất ông Nguyễn Phi H sử dụng không có cây cối, tài sản gì.

Ngày 10/12/2012, UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 4462/QĐ-UBND về việc thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của phường L để bồi thường, giải phóng mặt bằng Công trình xây dựng tổ hợp dịch vụ thương mại, nhà hàng, khách sạn của Công ty Cổ phần X tại phường L, thành phố V và Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 6/5/2013 về việc phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng. Khi triển khai bồi thường cho các hộ dân, gia đình ông T chưa đồng ý nhận tiền bồi thường.

Năm 2013, khi có hiện tượng xây dựng trên phần đất đã có quyết định thu hồi đất, UBND phường L đã mời hộ ông T lên làm việc để vận động gia đình nghiêm túc chấp hành pháp luật, nhận tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Ngày 01 tháng 02 năm 2019, ông T đã đồng ý nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng theo đúng quy hoạch được duyệt cho Công ty. Tuy nhiên, ông Nguyễn Phi H không đồng ý tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên phần đất đã có quyết định thu hồi.

Ngày 08 tháng 11 năm 2022, bà Hoàng Thị N - Công chức Địa chính - Xây dựng thuộc UBND phường L lập biên bản vi phạm hành chính số 86/BB-VPHC đối với ông Nguyễn Phi H, địa chỉ: TDP L, phường L, Thành phố V.

Ngày 06 tháng 12 năm 2022, Chủ tịch UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 2382/QĐ-XPHC về việc xử phạt hành chính đối với ông Nguyễn Phi H vì đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: “Chiếm đất nông nghiệp tại khu vực đô thị với diện tích là 1.313,3m²” và “Chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực đô thị với diện tích chiếm là 172,2m²”.

Áp dụng hình thức xử phạt là: Phạt tiền (mức phạt đối với cả 2 hành vi là 148.000.000đ) và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu, buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với tổng số tiền phải nộp là: 747.636.700đ.

Căn cứ pháp lý ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Hành vi vi phạm: Ông Nguyễn Phi H đã thực hiện 02 hành vi vi phạm, cụ thể:

(1) Chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị với diện tích chiếm là 1.313,3m². Trên phần đất bao chiếm hiện đã xây dựng nhà kho tổng diện tích là 620,4m², phần diện tích còn lại 692,9m² đã đổ bê tông và các công trình phụ trợ khác. Quy định tại điểm c, khoản 4, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19 tháng 11 năm 2019 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Hình thức xử phạt: Phạt tiền 140.000.000đ; phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 4, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm; buộc trả lại đất đã chiếm buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm; quy định tại điểm d khoản 7, Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP và khoản 2 điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ cụ thể:

Năm 2013 ông H chiếm 1.313,3m² đất phi nông nghiệp để xây dựng nhà kho tổng diện tích là 620,4m² phần diện tích còn lại 692,9m² đã đổ bê tông và các công trình phụ trợ khác. Như vậy, kể từ ngày 05/01/2020 đến ngày 08/11/2022 là ngày

lập biên bản vi phạm hành chính là: 2 năm 307 ngày. Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm trên là: 660.970.232đ.

(2) Chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực đô thị với diện tích chiếm là 172,2m²”. Trên phần đất bao chiếm xây dựng nhà và công trình khác, với tổng diện tích là 172,2m². Quy định tại điểm a, khoản 2; khoản 5 Điều 14 Nghị định Số: 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19 tháng 11 năm 2019 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Hình thức xử phạt: Phạt tiền 8.000.000đ; phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm; buộc trả lại đất đã chiếm; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ cụ thể:

Năm 2013 ông H chiếm 172,2m² đất nông nghiệp để xây dựng nhà và công trình khác. Như vậy, từ ngày 05/01/2020 đến ngày 08/11/2022 là ngày lập biên bản vi phạm hành chính có thời gian là 2 năm 307 ngày. Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm trên là: 86.666.470đ. Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính là: 140.000.000 + 8.000.000 = 148.000.000đ (bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám triệu đồng chẵn).

Tổng số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm trên là:
 $660.970.232 + 86.666.470 = 747.636.700\text{đ}$ (bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm đồng).

Về thẩm quyền xử phạt:

Căn cứ Điều 38, Điều 52 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản 3, Điều 38, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính, trong lĩnh vực đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ thì hành vi chiếm đất của ông Nguyễn Phi H thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND tỉnh.

Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Diện tích đất ông H chiếm giữ để xây dựng công trình trái phép là một phần thuộc hơn 2.000m² đất nông nghiệp thuộc Quỹ đất công ích của phường L. Diện tích đất này đã được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và giao

cho Công ty Cổ phần X thuê xây dựng Tổ hợp dịch vụ, thương mại, nhà hàng, khách sạn:

- Ngày 29/9/2022, UBND phường L lập biên bản xác minh quá trình tạo lập tài sản trên phần đất đối với công trình nhà xưởng của ông Nguyễn Phi H trên đất UBND tỉnh đã có Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để giao cho Công ty CP X tại Phường L; ngày 02/11/2022 UBND phường L tổ chức Hội nghị lấy ý kiến thời điểm có hành vi vi phạm đã xác định: Năm 2013 (không xác định cụ thể ngày, tháng) khi có hiện tượng xây dựng trên phần đất đã có quyết định thu hồi, UBND phường L đã mời hộ ông T lên làm việc, vận động gia đình nghiêm túc thực hiện quy hoạch, nhận tiền bồi thường.

- Ngày 08/11/2022, UBND phường L lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đã xác định: Năm 2013, ông Nguyễn Phi H có hành vi vi phạm: Chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị với diện tích chiếm là 1.313,3m² và chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực đô thị với diện tích là 172,2m²; các hành vi trên vi phạm Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Cùng ngày 08/11/2022, UBND phường L có Tờ trình số 369/TTr-UBND về việc đề nghị ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Phi H tại TDP L, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ngày 28/11/2022, UBND thành phố V làm việc với UBND phường L và ông Nguyễn Phi H tiếp tục đề nghị, thuyết phục ông H tháo dỡ công trình vi phạm, trả lại đất cho Công ty CP X. Ông H không đồng ý vì cho rằng diện tích đất này ông đã nhận chuyển nhượng từ ông T, không phải là lấn chiếm đất.

- Ngày 06/12/2022, Chủ tịch UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 2382/QĐ-XPHC về việc xử phạt hành chính đối với ông Nguyễn Phi H.

Như vậy, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm của ông H tuân thủ đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 91/2019/NĐ-CP; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ; Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và văn bản hướng dẫn thi hành.

Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phi H, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phi H.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày:

Ủy ban nhân dân thành phố V trình bày: Thống nhất toàn bộ với quan điểm của Chủ tịch UBND tỉnh V và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V trình bày:

Về diện tích, loại đất, và vị trí của phần đất thu hồi để giao cho công ty Cổ phần X thực hiện dự án đã được ban bồi thường giải phóng mặt bằng, UBND phường, hộ gia đình kiểm kê tại thực địa, xác nhận trong biên bản kiểm kê.

Về nguồn gốc đất: Phạm vi đất giao cho công ty Cổ phần X thuộc phần quỹ đất công ích do UBND phường quản lý, giao cho ông Nguyễn Văn T nhận thầu. UBND phường cũng đã phối hợp, vận động các hộ nhận tiền bồi thường GPMB theo phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Quyết định số 1377/QĐ-UBND và Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 6/5/2013 của UBND thành phố V.

Căn cứ Điều 3 hợp đồng giao thầu giữa hộ bà Nguyễn Thị V (T) và hợp tác xã nông nghiệp phường L ngày 01 tháng 10 năm 1988, giao cho gia đình bà V để sản xuất trồng cây ăn quả và chăn nuôi hoặc cây lấy gỗ đảm bảo giữ nguyên hiện trạng như ban đầu bàn giao. Như vậy, mọi hành vi sử dụng đất không vào mục đích đất nông nghiệp là vi phạm hợp đồng, vi phạm pháp luật về đất đai. Hộ ông T nhượng lại đất đầu thầu cho ông Nguyễn Phi H để sản xuất kinh doanh là không đúng quy định của pháp luật đã được thanh tra tỉnh kết luận tại kết luận số 38/KL-TTR ngày 18/4/2020. UBND phường cũng đã đưa vào kế hoạch xử lý vi phạm đối với trường hợp của Nguyễn Phi H, dự kiến thời gian xử lý vi phạm trong năm 2023.

Về hiện trạng sử dụng đất: Trên phần đất UBND tỉnh đã có quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để giao công ty cổ phần X thuê xây dựng tổ hợp dịch vụ, thương mại nhà hàng, khách sạn tại phường L, thành phố V tại Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 11/3/2013 thuộc đường T, phường L có 01 trường hợp ông Nguyễn Phi H đã xây dựng kho hàng với diện tích xây dựng khoảng 100m² xây tường gạch, lợp tôn. UBND phường đã trưng tập đơn vị đo đạc thực hiện xong trích đo hiện trạng công trình, diện tích đất vi phạm.

Về việc lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 22/9/2022 UBND phường đã lập biên bản làm việc; theo biên bản làm việc ngày 22/9/2022 ông Nguyễn Phi H khai nhận chuyển nhượng đất giao thầu của ông Nguyễn Văn T từ năm 2009, làm nhà năm 2009. Tại biên bản kiểm tra, xác minh việc quản lý, sử dụng khu đất nhận giao thầu của hộ gia đình bà Nguyễn Thị V (Tám) của Thanh tra tỉnh ngày 13/7/2011 thì chưa thể hiện phần xây dựng công trình của ông Nguyễn Phi H. Tại biên bản kiểm kê tài sản trên đất giao thầu của ông Nguyễn Văn T để thực hiện dự án của công ty X không thể hiện công trình vi phạm của ông Nguyễn Phi H. Theo biên bản làm việc với Thanh tra, ông Nguyễn Phi H khai thời điểm xây dựng năm 2013. Theo ý kiến khu dân cư: Ông Nguyễn Phi H làm xưởng làm nhà năm 2013.

Hành vi vi phạm:

Kết quả đo đạc thể hiện 02 phần diện tích:

- Diện tích 1.313,3m² đã có Quyết định số 616/QĐ-UBND, ngày 11/3/2013 của UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

- Diện tích đất 172,2m² để sử dụng; trên phần đất bao chiếm hiện đã xây dựng nhà và công trình khác với tổng diện tích là 172,2m².

* Quan điểm của UBND phường L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Công ty cổ phần X trình bày:

Về nguồn gốc đất: Phạm vi đất giao cho công ty Cổ phần X thuộc phần quỹ đất công ích do UBND phường quản lý, giao cho hộ ông Nguyễn Văn T nhận thuê.

Quá trình giao đất, hồ sơ giao đất, trình tự thủ tục:

- Công ty CP X được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh V cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8157640631 ngày 25/9/2019 (điều chỉnh từ giấy CNĐT số 19121000249 ngày 27/8/2009 của UBND tỉnh) để thực hiện với những nội dung chính như sau:

- Tên dự án: Tổ hợp dịch vụ, thương mại, nhà hàng, khách sạn

- Mục tiêu dự án: Xây dựng tổ hợp dịch vụ, thương mại nhà hàng, khách sạn (Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động).

- Quy mô xây dựng: Kinh doanh khách sạn 47 phòng và kinh doanh nhà hàng 260.000 lượt khách/năm.

- Diện tích sử dụng đất, địa điểm thực hiện dự án: Dự án sử dụng 2.228m² tại phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (theo Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 11/3/2013 của UBND tỉnh).

- Thời hạn hoạt động của dự án: Theo Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 11/3/2013 của UBND tỉnh.

- Tiến độ thực hiện dự án: Dự án đi vào hoạt động từ sau 12 tháng kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực.

Theo Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 11/3/2013, Công ty được cho phép chuyển mục đích và giao đất với diện tích 2.228m²; nhưng chưa thể triển khai xây dựng do có một phần đất 1.300m² bị ông Nguyễn Phi H xây dựng công trình trái phép, ông H đòi bồi thường với giá trị lớn mới bàn giao mặt bằng cho công ty; công ty đang khởi kiện cá nhân này và đã được Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Yên thụ lý tại Thông báo số: 65/TB-TLVA ngày 17/6/2020.

Tuy nhiên, công ty đã có đơn rút đơn khởi kiện, và Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

Về quá trình sử dụng đất: Công ty chưa được giao đất tại thực địa, chưa đưa đất vào sử dụng.

Về Hồ sơ thuế, nghĩa vụ của công ty: Do công ty chưa được giao đất tại thực địa, chưa có thông báo thuế, do vậy chưa hình thành nghĩa vụ tài chính.

Về hồ sơ công ty đã đền bù cho hộ ông T, bà V:

Ngày 10/12/2012, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 4464/QĐ-UBND về việc thu hồi đất nông nghiệp, thuộc quỹ đất công ích của phường L để bồi thường giải phóng mặt bằng công trình xây dựng tổ hợp dịch vụ, thương mại, nhà hàng, khách sạn của Công ty X trên địa bàn phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; ngày 06/5/2013, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1377/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng công trình xây dựng; tổ hợp dịch vụ, thương mại nhà hàng, khách sạn của Công ty Cổ phần X tại phường L, thành phố V. Công ty đã tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn T theo đúng phương án được duyệt với số tiền là: 17.889.000đ (mười bảy triệu, tám trăm tám mươi chín nghìn đồng) theo phiếu chi ngày 01/02/2019 phô tô kèm theo.

Ngoài ra, Công ty CP X và công ty cổ phần T3 đã tự nguyện hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V với tổng số tiền là 1.477.622.000 đ (một tỷ, bốn trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Toàn bộ việc thống nhất, nhận tiền bồi thường, tiền hỗ trợ, thống nhất bàn giao mặt bằng (trong đó có toàn bộ phần diện tích ông Nguyễn Phi H đang chiếm để sử dụng) được thể hiện tại văn bản lập ngày 1/2/2019 có ký, xác nhận của UBND phường L.

Quan điểm của Công ty đề nghị toà án giữ nguyên Quyết định số 2382/QĐ-XPHC ngày 6/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh V.

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất là đất nông nghiệp do HTX nông nghiệp phường L giao khoán cho ông bà từ năm 1988 để sử dụng và mục đích nông nghiệp. Sau khi được nhận giao thì ông bà chỉ sử dụng để trồng trọt. Ngày 20/10/2016 gia đình ông bà và UBND phường L làm biên bản thanh lý hợp đồng.

Năm 2010 do tuổi cao và không có nhu cầu sử dụng nên gia đình ông bà đã chuyển nhượng diện tích đất trên cho hộ ông Nguyễn Phi H. Giữa gia đình ông T và ông H có viết tay 01 giấy chuyển nhượng đất đầu thầu. Việc chuyển nhượng là giao dịch dân sự, hai bên tự nguyện tuy nhiên không thông qua chính quyền địa phương và địa phương cũng không xác nhận. Gia đình ông bà chuyển nhượng đất được giao cho ông H vì ông bà thấy các hộ xung quanh cũng chuyển qua người khác. Sau khi ông bà chuyển nhượng đất cho ông H, thì đến khoảng năm 2013 ông bà thấy ông H xây dựng các công trình trên đất, nhưng ông, bà không có ý kiến gì đối với việc ông H xây dựng vì ông bà đã chuyển nhượng đất cho ông H nên ông H có toàn quyền quyết định.

Năm 2012 ông T có biết được quyết định về việc thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của phường L để bồi thường giải phóng mặt bằng công trình xây dựng tổ hợp dịch vụ, thương mại, nhà hàng, khách sạn của Công ty X, trong đó có phần đất ông bà đã chuyển nhượng cho ông H. Năm 2019 Công ty X tự nguyện hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho ông bà số tiền là 1.477.622.000đ. Ông bà đã nhận đủ số tiền và không có ý kiến gì.

Nay ông Nguyễn Phi H khởi kiện Quyết định số 2382/QĐ-XPHC ngày 06/12/2022, ông T, bà V không có quan điểm gì.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2023/HC-ST ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định; căn cứ Điều 30, 32, 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính; xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phi H về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2382/QĐ-XPHC ngày 06/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh V.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, xử lý tiền tạm ứng án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2023, người khởi kiện là ông Nguyễn Phi H có đơn kháng cáo đối với bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp cao tại Hà Nội xét xử sửa bản án sơ thẩm nêu trên để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người khởi kiện trình bày:

Bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì không đưa vợ của ông H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; hồ sơ thu hồi đất của ông H để giao cho Công ty X đang bị khởi kiện; Chủ tịch UBND tỉnh V cho rằng ông H chiếm đất là không đúng, vì có biên bản giao đất của ông T, bà V cho ông H, việc này đã được Thanh tra tỉnh phát hiện; việc từ khi lập biên bản đến khi có quyết định xử phạt quá 01 tháng là vi phạm. Ông H sử dụng đất từ năm 2010 bằng giấy chứng nhận, biên bản giao đất có sự xác nhận của cán bộ địa chính phường và ông H tiếp nhận, sử dụng liên tục, đúng quy định nhưng khi thu hồi đất không thông báo cho ông H để làm thủ tục bồi thường. Việc giao đất cho Công ty X khi chưa giải phóng xong mặt bằng là không đúng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, hủy bản án sơ thẩm hoặc dừng xét xử vụ án để chờ kết quả giải quyết vụ án hành chính đang bị khởi kiện quyết định thu hồi đất.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm; Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, đúng quy định của pháp luật nên đã bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đảm bảo được quyền lợi cho các đương sự; tại cấp phúc thẩm không có tình tiết gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến Kiểm sát viên và đương sự về giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

**** Về tố tụng:***

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện là Quyết định hành chính số 2382/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 2382) ngày 06/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh V về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Phi H; đây là quyết định hành chính của Chủ tịch UBND cấp tỉnh trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính; người ban hành là Chủ tịch UBND tỉnh V nên thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 06/12/2022 Chủ tịch UBND tỉnh V ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện, đến ngày 14/12/2022 ông Nguyễn Phi H có đơn khởi kiện là đang trong thời hạn một năm, nên đang trong thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, một số đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ những vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 158; khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

**** Về nội dung:***

[3] Về nguồn gốc diện tích đất gia đình ông Nguyễn Phi H đang sử dụng, thấy:

Năm 1988 ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V được Hợp tác xã nông nghiệp phường L ký hợp đồng kinh tế về việc đầu thầu khoán với diện tích 01 mẫu 05 sào để trồng cây ăn quả và canh tác; thời gian đầu thầu được thể hiện trong hợp đồng từ năm 1988 đến năm 2018, ngoài hợp đồng kinh tế này thì không có tài liệu

gì chứng minh nguồn gốc sử dụng đất, loại đất. Như vậy, căn cứ hợp đồng kinh tế thì diện tích đất thuê khoán là đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Ngày 07/9/2010, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V tự ý chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho ông Nguyễn Phi H; việc chuyển nhượng chỉ được lập văn bản viết tay, không được sự đồng ý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không có chứng thực hay công chứng theo đúng quy định. Tuy nhiên, đến ngày 01/02/2016 thì UBND phường L và ông T, bà V đã ký thanh lý đối với hợp đồng nêu trên. Theo hồ sơ quản lý đất đai thể hiện, diện tích đất này là đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của phường L, đã được UBND tỉnh V cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng và giao cho Công ty Cổ phần X để xây dựng tổ hợp dịch vụ, thương mại, nhà hàng, khách sạn theo Quyết định số 4462/QĐ-UBND, ngày 12/9/2012 của UBND tỉnh V về phê duyệt địa điểm để đầu tư. Căn cứ quyết định nêu trên, ngày 10/12/2012, UBND thành phố V đã có Quyết định số 4462/QĐ-UBND về việc thu hồi đất thuộc quỹ đất công ích của phường L để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án. Do việc chuyển nhượng giữa ông T, bà V với ông H chưa hợp pháp nên quá trình bồi thường, giải phóng mặt bằng vẫn xác định ông T và bà V là chủ sử dụng đất, nên ngày 01/02/2019 ông bà đã nhận tiền bồi thường và tiền hỗ trợ của Công ty X.

Căn cứ hồ sơ thể hiện, tuy xác định ông Nguyễn Phi H là người đã xây dựng các công trình trên đất, nhưng về giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất ông H chỉ có giấy chuyển nhượng viết tay được lập ngày 07/9/2010 giữa ông T, bà V với ông H; việc chuyển nhượng chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận; tại thời điểm chuyển nhượng thì phía ông T, bà V chưa đủ điều kiện để được chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai, cụ thể là ông T, bà V chưa được công nhận quyền sử dụng đất, chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên việc chuyển nhượng không hợp pháp. Hơn nữa, như đã phân tích ở trên, thì ngoài hợp đồng kinh tế về việc giao thuê khoán thể hiện là đất nông nghiệp, thì không có bất cứ tài liệu gì chứng minh loại đất khác, thửa đất ông H đang sử dụng cũng không thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, chỉ đủ căn cứ xác định diện tích đất ông H xây dựng là đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của phường; ông H cũng thừa nhận khi xây dựng không xin phép và không được cơ quan nào cấp phép xây dựng, nên việc tự ý xây dựng các công trình trên đất nông nghiệp không thuộc quyền sử dụng của mình là trái phép.

[4] Về hiện trạng sử dụng đất: Trên diện tích đất ông Nguyễn Phi H đã xây dựng kho hàng với diện tích 100m², ngày 08/11/2022 UBND phường L đã lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai xác định: Năm 2013 ông Nguyễn Phi H có hành vi chiếm đất nông nghiệp tại khu vực đô thị với diện tích chiếm là 1.313,3m² và chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu đô thị với diện tích 172,2m²; hành vi này của ông H đã vi phạm Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Về thời

điểm vi phạm: Căn cứ biên bản kiểm tra, xác minh việc quản lý, sử dụng đất nhận giao thầu của hộ gia đình bà Nguyễn Thị V (Tám) của Thanh tra tỉnh ngày 13/7/2011 thì trên đất không có công trình xây dựng, theo ông H khai nhận ông xây dựng tài sản trên đất vào năm 2010, nhưng căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì đủ căn cứ xác định ông H vi phạm về sử dụng đất từ năm 2013, đến ngày 08/11/2022 thì bị lập biên bản vi phạm hành chính.

[5] Về thẩm quyền và trình tự ban hành Quyết định 2382 thấy: Do ông H sử dụng đất không đúng quy định, nên ngày 08/11/2022, UBND phường L lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai và ghi nhận hành vi vi phạm của gia đình ông H là: Chiếm đất nông nghiệp tại khu vực đô thị với diện tích chiếm là 1.313,3m² và chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu đô thị với diện tích 172,2m². Cùng ngày 08/11/2022, UBND phường L có Tờ trình số 369/TTr-UBND về việc đề nghị ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Phi H tại tổ dân phố L, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; ngày 28/11/2022, UBND thành phố V làm việc với UBND phường L và ông Nguyễn Phi H tiếp tục đề nghị, thuyết phục ông H tháo dỡ công trình vi phạm, trả lại đất cho Công ty X, nhưng ông H không đồng ý. Do đó, ngày 06/12/2022, Chủ tịch UBND tỉnh V đã ban hành Quyết định số 2382 về việc phạt hành chính đối với ông Nguyễn Phi H. Như vậy, về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[6] Về nội dung quyết định hành chính: Như đã phân tích ở trên, thì do ông Nguyễn Phi H có hành vi vi phạm hành chính trong việc chiếm đất, đã bị lập biên bản vi phạm hành chính; hành vi của ông H đã vi phạm Điều 14 Nghị định 91 của Chính phủ, nên Chủ tịch UBND tỉnh V đã ban hành quyết định xử phạt hành chính với nội dung như Quyết định 2382 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tổng hợp các phân tích trên, thấy rằng: Cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ; quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã xem xét đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Phi H, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2023/HC-ST ngày 05/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Phi H phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0007255, ngày 20/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc, xác nhận ông H đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ (2b), phòng HCTP (2b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm